

Chứng minh trong thủ tục giải quyết tranh chấp kinh doanh tại tòa án : Luận văn ThS / Nguyễn Thị Phương Thủy ; Nghd. : TS. Phan Chí Hiếu . - H. : Khoa Luật, 2006 . - 95 tr. + CD_ROM

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hoạt động xét xử của Tòa án gắn liền với quá trình xác định sự thật khách quan của vụ án. Quá trình này được biểu hiện ra bên ngoài thông qua các hoạt động chứng minh, trong đó toàn bộ chứng cứ, tài liệu và các tình tiết khác nhau về vụ kiện đều được xem xét, đánh giá công khai, khách quan và toàn diện. Qua đó, làm sáng tỏ các nội dung của vụ kiện, là cơ sở để Tòa án đưa ra phán quyết có căn cứ và đúng pháp luật, góp phần bảo vệ kịp thời quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong xã hội.

Quá trình chứng minh trong thủ tục giải quyết tranh chấp kinh doanh gắn liền với việc các đương sự thực hiện nghĩa vụ cung cấp các chứng cứ, tài liệu cho Tòa án để chứng tỏ cho Tòa án và những người tham gia tố tụng khác thấy được sự đúng đắn trong yêu cầu của mình. Vì vậy, có thể nói chứng minh đóng một vai trò quan trọng trong việc tìm ra sự thật khách quan của quan hệ pháp luật mà từ đó phát sinh tranh chấp, đồng thời xác định đúng các quyền và nghĩa vụ của của mỗi bên theo quy định của pháp luật.

BLTTDS năm 2004 tiếp tục kế thừa và phát triển các quy định của PLTTGQCVAKT năm 1994, trong đó có quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự trong giải quyết các tranh chấp kinh tế, có nhiều quy định mới liên quan đến quá trình chứng minh như: chứng

cứ và nghĩa vụ chứng minh; trình tự thủ tục tiến hành thu thập, cung cấp chứng cứ... Tuy vậy, vẫn còn nhiều vấn đề chưa được xác định cụ thể hoặc có sự lẫn lộn giữa: chứng cứ, nguồn chứng cứ và phương tiện chứng minh; các vấn đề liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ chứng minh của đương sự chưa được làm rõ, đối tượng chứng minh và phương tiện chứng minh chưa được quy định trong Bộ luật... Từ đó dẫn đến thực tế áp dụng còn nhiều vướng mắc.

Do đó, để bảo đảm cho quá trình giải quyết các tranh chấp kinh doanh tại Tòa án được nhanh chóng, khách quan và đúng pháp luật, nhất là trong điều kiện Bộ luật tố tụng dân sự mới được thực thi và Việt Nam đang trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế thì việc nghiên cứu đề tài: “Chứng minh trong thủ tục giải quyết các tranh chấp kinh doanh tại Tòa án” là một yêu cầu cấp thiết có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Các vấn đề liên quan đến chứng minh trong thủ tục tranh chấp kinh doanh luôn được sự quan tâm không chỉ đối với các cơ quan tiến hành tố tụng và các chủ thể kinh doanh mà còn gây sự chú ý cho các nhà nghiên cứu trước và sau khi BLTTDS ra đời. Đã có nhiều bài viết về khía cạnh lý luận và pháp lý của vấn đề này. Nhìn chung, các bài nghiên cứu trên mới chỉ từng bước tháo gỡ và giải quyết những vấn đề riêng biệt, hoặc chỉ tập trung vào nghiên cứu về tố tụng dân sự nói chung trong khi nhiều nội dung có ý nghĩa quan trọng về lý luận và thực tiễn của quá trình chứng minh trong giải quyết tranh chấp kinh doanh chưa được lý giải hoặc lý giải nhưng chưa thỏa đáng. Mặc dù hoạt động chứng minh diễn ra thường xuyên trong hoạt động xét xử tại Tòa án các cấp nhưng cho đến nay vẫn chưa có một công trình khoa học nào nghiên cứu một cách đầy đủ và có hệ thống về vấn đề này.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận văn là: làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn có liên quan đến quá trình chứng minh trong thủ tục giải quyết tranh chấp kinh doanh tại Tòa án, từ đó đề xuất giải pháp thực thi có hiệu quả các quy định của BLTTDS và tiếp tục hoàn thiện các quy định về chứng minh.

Đề tài có nhiệm vụ nghiên cứu:

- Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về chứng minh trong thủ tục giải quyết tranh chấp kinh doanh.
- Nghiên cứu các quy định về chứng minh trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam
- Đưa ra những kiến nghị nhằm thực thi có hiệu quả các quy định về hoạt động chứng minh trong giải quyết tranh chấp kinh doanh tại Tòa án.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

♦ Đối tượng nghiên cứu của luận văn là:

- Những quy định của pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam có liên quan đến chứng cứ và chứng minh như: quy định về nguyên tắc nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh; các cơ chế bảo đảm cho đương sự thực hiện nghĩa vụ chứng minh, vai trò của Tòa án trong việc đánh giá, sử dụng chứng cứ...
- Những quy định của pháp luật tố tụng dân sự của một số nước trên thế giới như: Anh, Mỹ, Trung Quốc, Thụy Điển... về trách nhiệm chứng minh nhằm so sánh và tham khảo.
- Thực tiễn của quá trình chứng minh trong thủ tục giải quyết tranh chấp kinh doanh tại Tòa án thông qua các Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án và các vụ án cụ thể.

♦ Phạm vi nghiên cứu của luận văn là: Những đặc thù trong hoạt động chứng minh đối với tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Luận văn được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối của Đảng về Nhà nước và pháp luật.
- Đề tài luận văn cũng sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành như: phân tích, chứng minh, tổng hợp, so sánh, diễn giải, suy diễn logic và phương pháp xã hội học để làm sáng tỏ những vấn đề nghiên cứu.
- Để minh họa cho những lý luận, tác giả đã tham khảo những bản án, quyết định của Tòa án về giải quyết các tranh chấp kinh doanh cụ thể; các báo cáo tổng kết, báo cáo chuyên đề của ngành Tòa án nhân dân về công tác xét xử án kinh doanh trong những năm gần đây.

6. Đóng góp về khoa học và thực tiễn của luận văn

Có thể xem những nội dung sau đây là những đóng góp mới về khoa học của luận văn:

- Làm rõ vai trò của hoạt động chứng minh trong giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án.
- Phân tích có hệ thống các quy định của pháp luật tố tụng dân sự liên quan đến chứng cứ và chứng minh.
- Phát hiện và dự báo trước những vướng mắc có thể nảy sinh trong thực tiễn áp dụng, từ đó khuyến nghị một số giải pháp nhằm thực thi có hiệu quả các quy định về chứng minh trong giải quyết tranh chấp kinh doanh hiện nay.

- Luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho công tác nghiên cứu, giảng dạy và cho các cán bộ ngành tư pháp trong quá trình hoạt động thực tiễn.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về chứng minh trong thủ tục giải quyết tranh chấp kinh doanh tại Tòa án.

Chương 2: Chứng minh trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam hiện hành.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm thực thi hiệu quả các quy định về chứng minh trong thủ tục giải quyết tranh chấp kinh doanh.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CHỨNG MINH TRONG THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP KINH DOANH TẠI TÒA ÁN

1.1. Chứng minh và vai trò của nó đối với việc giải quyết tranh chấp kinh doanh tại Tòa án

1.1.1. Khái niệm chứng minh

Chứng minh trong giải quyết tranh chấp kinh doanh là quá trình xác định sự thật khách quan về vụ kiện được bắt đầu từ khi có yêu cầu khởi kiện và kết thúc khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, theo đó các chủ thể tố tụng sử dụng chứng cứ, lý lẽ, căn cứ pháp lý để làm rõ các sự kiện, tình tiết của vụ án.

Chứng minh trong giải quyết tranh chấp kinh doanh có những đặc điểm sau đây:

- Trách nhiệm chứng minh thuộc về các bên tham gia tố tụng, Tòa án không có nghĩa vụ điều tra

- Chứng minh trong giải quyết tranh chấp kinh doanh gắn liền với hoạt động thu thập, cung cấp, nghiên cứu và đánh giá chứng cứ

1.1.2. Vai trò của chứng minh trong thủ tục giải quyết tranh chấp kinh doanh

Chứng minh là biện pháp rất quan trọng để các đương sự làm rõ được cơ sở quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trên cơ sở đó thuyết phục Tòa án bảo vệ.

Chứng minh bảo đảm cho các đương sự có sự cân nhắc kỹ lưỡng trước khi đưa ra một chứng cứ hoặc luận điểm nào đó để bảo vệ mình.

Chứng minh còn là yếu tố cần thiết bảo đảm việc xét xử công minh, không thiên vị, hạn chế những phán quyết tùy tiện, bất công, trái pháp luật.

Thông qua các hoạt động chứng minh Tòa án biết rõ các tình tiết, sự kiện của vụ tranh chấp, hiểu rõ các yêu cầu của đương sự, có được các chứng cứ, lý lẽ, căn cứ pháp lý để xác định chân lý khách quan của vụ kiện.

Hoạt động chứng minh còn bảo đảm cho các chủ thể tham gia tố tụng quyền bình đẳng tức là tạo ra khả năng để các chủ thể nói chung và các đương sự nói riêng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước Tòa án.

Chứng minh trong giải quyết tranh chấp kinh doanh là một bảo đảm cơ bản cho một nền công lý trong sạch, trung thực và công bằng.

1.2. Các nội dung cấu thành của quá trình chứng minh

1.2.1. Nghĩa vụ chứng minh của đương sự

Trong vụ tranh chấp kinh doanh, nghĩa vụ chứng minh trước hết thuộc về đương sự. Pháp luật quy định đương sự có nghĩa vụ chứng minh vì họ là người trong cuộc nên thường biết rõ về vụ việc, có điều kiện cung cấp các tin tức về vụ việc và nguồn gốc của nó, từ đó Tòa án có thể xác định được những tình tiết, sự kiện của vụ án.

Sự tham gia tố tụng của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mang tính hỗ trợ về mặt pháp lý cho đương sự, họ không có nghĩa vụ chứng minh mà chỉ giúp đương sự thực hiện nghĩa vụ chứng minh mà thôi.

Về nguyên tắc, Tòa án không có nghĩa vụ chứng minh làm rõ các tình tiết, sự kiện đương sự đưa ra làm cơ sở cho yêu cầu hay phản đối yêu cầu của họ. Trong trường hợp đương sự không thể tự mình thu thập được chứng cứ thì Tòa án có thể tiến hành các biện pháp xác minh thu thập chứng cứ trong trường hợp đương sự không thể tự mình thu thập được chứng cứ và có yêu cầu. Sự tích cực chứng minh của Tòa án nhằm bảo đảm tìm ra chân lý, có thể làm giảm được những hậu quả bất lợi cho đương sự trong những trường hợp họ không thể thực hiện được nghĩa vụ chứng minh của mình. Trong tranh chấp kinh doanh, các đương sự thực hiện nghĩa vụ chứng minh tương đối tốt. Vì vậy, Tòa án chủ yếu giải quyết tranh chấp căn cứ vào các chứng cứ, lý lẽ do đương sự đưa ra.

1.2.2. Chứng cứ, nguồn chứng cứ, đối tượng chứng minh và phương tiện chứng minh trong tranh chấp kinh doanh

Chứng cứ là yếu tố quan trọng trong hoạt động chứng minh. Quá trình thu thập, bảo quản, nghiên cứu và nhất là đánh giá chứng cứ được xem là khâu quyết định của hoạt động xét xử. Khi nghiên cứu về chứng minh trong thủ tục giải quyết tranh chấp kinh doanh, không

thể không chú ý đến chứng cứ trong mối liên hệ với nguồn chứng cứ, đối tượng chứng minh và phương tiện chứng minh với nhau.

Chứng cứ có thể là những dấu vết, tin tức liên quan đến các tình tiết, sự kiện của vụ án được Tòa án sử dụng làm căn cứ để giải quyết vụ án.

Nguồn chứng cứ được hiểu là nơi rút ra các chứng cứ. Bất kỳ loại chứng cứ nào cũng phải nằm trong một nguồn nhất định, nhưng không có nghĩa là khi thu thập một nguồn chứng cứ nào đó thì nhất thiết trong đó sẽ chứa đựng chứng cứ. Vì vậy, việc phân biệt chứng cứ và nguồn chứng cứ có ý nghĩa rất quan trọng trong việc xác định giá trị chứng minh của mỗi loại chứng cứ.

Các quan hệ cần giải quyết trong vụ tranh chấp rất phong phú nên các tình tiết, sự kiện cần phải được xác định trong các vụ án cụ thể cũng rất đa dạng. Do đó trong mỗi vụ án cụ thể phải cần phải xác định được đối tượng chứng minh của nó gồm những tình tiết, sự kiện nào liên quan đến vụ án và có ý nghĩa trong quá trình giải quyết vụ tranh chấp kinh doanh.

Xác định đúng đối tượng chứng minh trong mỗi vụ án có ý nghĩa rất quan trọng, có tính chất quyết định tới kết quả giải quyết vụ án. Vì xác định đối tượng chứng minh cũng có nghĩa là xác định phạm vi những tình tiết, sự kiện của vụ án cần làm rõ, thông qua đó chứng minh làm rõ nó, để Tòa án quyết định vụ án được đúng luật.

Để bảo đảm việc giải quyết vụ án được đúng đắn, pháp luật quy định những phương tiện chứng minh cụ thể mà các chủ thể chứng minh được sử dụng. Các chủ thể chứng minh chỉ được sử dụng các phương tiện chứng minh do pháp luật quy định mà không thể sử dụng bất kỳ phương tiện nào khác để chứng minh.

Tóm lại, khi giải quyết tranh chấp kinh doanh, chứng cứ, nguồn chứng cứ, đối tượng chứng minh và phương tiện chứng minh là các yếu tố cấu thành nên chứng minh và phải được xem xét trong mối quan hệ qua lại với nhau.

1.3. Kinh nghiệm của pháp luật nước ngoài về chứng minh trong thủ tục tố tụng dân sự

1.3.1. Pháp luật các nước theo truyền thống tố tụng tranh tụng

Ở các nước theo truyền thống pháp luật án lệ thì áp dụng loại hình tố tụng tranh tụng. Theo đó pháp luật tố tụng dân sự luôn đề cao vai trò của các bên đương sự trong việc chứng minh sự việc. Toà án không có nghĩa vụ phải tiến hành điều tra mà chỉ là người trọng tài, giữ vai trò trung gian, căn cứ vào kết quả tranh tụng để ra phán quyết. Tất cả các tình tiết, chứng cứ, tài liệu dùng làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án đều được các bên tranh tụng công khai, trực tiếp bằng lời nói tại phiên toà, vai trò chủ động thuộc về các luật sư là người dẫn dắt.

Tác giả đã dẫn chứng pháp luật tố tụng dân sự của các nước: Anh, Mỹ, Trung Quốc... để làm rõ hơn hoạt động chứng minh theo truyền thống các nước theo luật tố tụng tranh tụng.

1.3.2. Pháp luật các nước theo truyền thống tố tụng xét hỏi

Pháp luật các nước theo truyền thống tố tụng xét hỏi luôn đề cao vai trò của Thẩm phán trong việc chứng minh sự việc. Trước khi mở phiên toà, tất cả các tình tiết, chứng cứ, tài liệu đều được điều tra, thu thập đầy đủ và phản ánh vào hồ sơ vụ án. Tại phiên toà, Thẩm phán thẩm tra lại tính hợp pháp và tính có căn cứ của các chứng cứ, tài liệu và làm rõ thêm các tình tiết của vụ án bằng việc xét hỏi, hướng dẫn các bên đương sự tranh luận với nhau về đánh giá chứng cứ, căn cứ

pháp lý và đề xuất hướng giải quyết vụ án. Thẩm phán trong tố tụng xét hỏi không phải là người trọng tài mà là người điều khiển phiên toà, bảo đảm phiên toà được tiến hành theo trình tự và thủ tục do pháp luật quy định. Để làm rõ hơn hoạt động chứng minh theo truyền thống luật tố tụng xét hỏi, tác giả lấy dẫn chứng từ pháp luật tố tụng dân sự Thụy Điển.

Chương 2

CHỨNG MINH TRONG PHÁP LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH

2.1. Nguyên tắc nghĩa vụ chứng minh thuộc về đương sự

2.1.1. Cơ sở của nguyên tắc nghĩa vụ chứng minh thuộc về đương sự

Ấu giả vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh là một trong những nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự Việt ả am. Việc đương sự phải cung cấp chứng cứ và chứng minh cho yêu cầu của mình là một trong những nguyên tắc xuất phát từ quyền tự định đoạt của đương sự đối với việc khởi kiện của mình. Các bên đương sự là những người hiểu rõ vụ việc của mình nhất, thường biết rõ tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ việc của mình có những gì và đang ở đâu. Do đó, khi các bên đã đưa việc tranh chấp của họ ra Toà thì Toà án chỉ là người trọng tài, giúp các bên giải quyết tranh chấp một cách khách quan và đúng pháp luật chứ Toà án không thể chứng minh thay cho đương sự với những yêu cầu của họ. Toà án không tiến hành việc thu thập chứng cứ, Toà án chỉ xét xử trên cơ sở chứng cứ của các bên đương sự cung cấp nhằm bảo đảm tính khách quan, tránh tình trạng lạm quyền, tiêu cực khi giải quyết vụ án.

2.1.2. Các biểu hiện của nguyên tắc nghĩa vụ chứng minh thuộc về đương sự

2.1.2.1. Các đương sự có nghĩa vụ thu thập, cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình

Xuất phát từ nguyên tắc nghĩa vụ chứng minh thuộc về đương sự nên đương sự phải có nghĩa vụ thu thập, cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tranh chấp kinh doanh phát sinh chủ yếu do sự tranh chấp về quyền và lợi ích giữa các đương sự với nhau. Do đó, hơn ai hết họ là người biết rõ nguyên nhân, điều kiện phát sinh vụ án. Vì vậy, biểu hiện cụ thể nhất của nguyên tắc cung cấp chứng cứ và chứng minh thuộc được thể hiện ở việc đương sự có trách nhiệm thu thập chứng cứ và cung cấp chứng cứ có liên quan đến yêu cầu của họ cho Tòa án. Ở bất kỳ giai đoạn nào, đương sự có điều kiện cung cấp chứng cứ và xét thấy việc cung cấp chứng cứ là có lợi cho mình, thì Tòa án chấp nhận.

2.1.2.2 Các đương sự có quyền biết và trình bày ý kiến về những vấn đề mà người khác có yêu cầu đối với mình.

Quá trình thực hiện nghĩa vụ chứng minh chỉ thực sự có hiệu quả nếu mỗi bên đương sự biết được đầy đủ và toàn diện các yêu cầu, chứng cứ và lý lẽ chống lại họ. Quyền và nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh của các đương sự được thực hiện bằng việc đương sự tự mình cung cấp những tình tiết, các tài liệu, văn bản cần thiết và các lý lẽ, lập luận, cơ sở pháp lý cho Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có quyền được biết tất cả các tài liệu, chứng cứ, lý lẽ chứng minh và căn cứ pháp lý do đối phương cung cấp cho Tòa án hoặc do Tòa án thu thập trên cơ sở yêu cầu của đương sự. Tòa án cũng bảo đảm đương sự có đủ thời gian cần thiết để họ thu thập chứng cứ, tìm

hiểu các tình tiết của vụ tranh chấp, đối chiếu các quy định của pháp luật để có thể phản bác lại yêu cầu của phía bên kia. Mọi chứng cứ của vụ kiện do các bên đương sự đưa ra và từng tình tiết của vụ án chỉ được thẩm tra công khai thông qua việc hỏi và tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử chỉ được đưa ra phán quyết dựa vào những chứng cứ, căn cứ pháp lý, lý lẽ chứng minh đã được tranh tụng tại phiên tòa.

2.1.2.3 Các đương sự có quyền bình đẳng trước Tòa án trong việc thực hiện nghĩa vụ chứng minh

Quyền bình đẳng trước Tòa án trong việc thực hiện nghĩa vụ chứng minh của đương sự được thể hiện trong việc đề đạt yêu cầu để Tòa án bảo vệ, bổ sung yêu cầu hay rút yêu cầu; đưa ra chứng cứ và chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ấn nghĩa vụ chứng minh không chỉ đặt ra với khởi kiện mà đặt ra với cả bên bị kiện, người liên quan khi không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Quy định này thể hiện sự bình đẳng, ngang bằng về nghĩa vụ chứng minh, không có loại đương sự nào được miễn trừ nghĩa vụ chứng minh. Tòa án không được coi chứng cứ của đương sự này hơn chứng cứ của đương sự khác dẫn đến không xem xét đầy đủ các yêu cầu, lý lẽ của đương sự.

Quyền bình đẳng trong việc cung cấp chứng cứ và chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình là một bảo đảm cho đương sự thực hiện quyền tự định đoạt trong việc rút yêu cầu.

Quyền bình đẳng của đương sự được biết chứng cứ do các đương sự khác xuất trình hoặc chứng cứ do Tòa án thu thập còn có ý nghĩa giúp đương sự chuẩn bị tổ chức việc biện hộ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

ã goài ra, pháp luật còn bảo đảm sự bình đẳng cho các đương sự còn thông qua việc tham gia tranh luận tại phiên toà. Thông qua tranh luận, đương sự dựa vào pháp luật, đưa ra chứng cứ những lập luận để thuyết phục Hội đồng xét xử bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Việc thực hiện nghĩa vụ chứng minh trong giải quyết tranh chấp kinh doanh không những bảo đảm sự công bằng, bình đẳng về mặt pháp lý cho mọi cá nhân, tổ chức mà còn tạo điều kiện cho việc đạt được sự bình đẳng, công bằng về thực tế của các cá nhân, tổ chức đó.

2.1.3 Hậu quả của việc đương sự không thực hiện nghĩa vụ chứng minh

Xuất phát từ nghĩa vụ chứng minh của đương sự, BLTTDS quy định việc giao nộp chứng cứ cho Toà án trong quá trình Toà án giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại là quyền và nghĩa vụ của đương sự; nếu đương sự không nộp hoặc nộp không đầy đủ thì phải gánh chịu hậu quả của việc không nộp hoặc nộp không đầy đủ đó. Do đó, việc đương sự không thực hiện nghĩa vụ chứng minh cũng đồng nghĩa với việc họ đã từ bỏ hoặc không đủ cơ sở để bảo vệ mình trước công lý, và họ phải gánh chịu hay nói khác hơn, họ phải chấp nhận hậu quả thất bại mà pháp luật đã quy định trước.

Quy định này góp phần nêu cao trách nhiệm của đương sự khi thu thập, cung cấp chứng cứ cho Toà án, đồng thời giảm một phần gánh nặng cho Toà án khi giải quyết tranh chấp trong trường hợp không thể có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của họ hoặc chứng cứ không mang trong nó giá trị chứng minh mà đương sự nêu ra.

2.2 Cơ chế bảo đảm cho đương sự thực hiện nghĩa vụ chứng minh

2.2.1. Cơ chế bảo đảm cho đương sự thực hiện nghĩa vụ chứng minh trong hoạt động thu thập, cung cấp chứng cứ

Việc cung cấp các chứng cứ, lý lẽ, căn cứ pháp lý cho Toà án là cơ sở để đương sự thực hiện nghĩa vụ chứng minh. Vì vậy, các cơ chế để bảo đảm cho họ thực hiện quyền và nghĩa vụ này xoay quanh những biện pháp mà luật tố tụng dân sự quy định giúp đương sự trong quá trình tìm kiếm, thu thập và cung cấp chứng cứ cho Toà án.

Để bảo đảm cho đương sự có thể thực hiện được quyền và nghĩa vụ chứng minh và cung cấp chứng cứ thì rất cần có sự hỗ trợ từ Toà án và từ phía các cơ quan, tổ chức hữu quan, đặc biệt là các cơ quan, tổ chức lưu giữ tài liệu hiện vật và có trách nhiệm cung cấp tài liệu, hiện vật là chứng cứ có liên quan tới vụ án. Do đó, trong trường hợp đương sự không thể tự mình thu thập được chứng cứ và có yêu cầu thì Thẩm phán Toà án có thể tiến hành một hoặc một số biện pháp thu thập chứng cứ như trưng cầu giám định, uỷ thác thu thập chứng cứ, yêu cầu tổ chức cá nhân cung cấp tài liệu hoặc hiện vật liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Vì vậy để bảo đảm việc giải quyết vụ án được nhanh chóng, khách quan và đúng pháp luật, bên cạnh việc quy định đương sự có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh, BLTTDS còn quy định: Toà án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ trong những trường hợp phải có hai điều kiện sau đây, đó là:

- Đương sự không thể tự mình thu thập được chứng cứ.
- Đương sự phải có yêu cầu Toà án thu thập chứng cứ.

Đây là một quy định hoàn toàn mới, thể hiện việc đề cao trách nhiệm của đương sự trong việc thu thập chứng cứ, thực hiện nghĩa vụ chứng minh của đương sự và hạn chế nhiệm vụ điều tra, thu thập chứng cứ của Toà án.

2.2.2. Pháp luật bảo đảm cơ chế khiếu nại của đương sự về việc thu thập chứng cứ của Tòa án

Để đảm bảo tính khách quan của vụ án, tránh hiện tượng Tòa án vừa thu thập, vừa đánh giá chứng cứ, pháp luật tố tụng dân sự đã quy định việc đương sự có quyền khiếu nại việc thu thập chứng cứ của Tòa án quy định tại điểm c khoản 2 Điều 58. Theo tác giả quyền khiếu nại của đương sự về việc thu thập chứng cứ của Tòa án được hiểu là:

- Đương sự khiếu nại về việc Tòa án thu thập hoặc không thu thập chứng cứ theo yêu cầu của chính đương sự.
- Đương sự khiếu nại về việc Tòa án thu thập chứng cứ theo yêu cầu của đương sự khác.
- Đương sự khiếu nại về việc Tòa án tự thu thập chứng cứ.

2.3. Việc đánh giá và sử dụng chứng cứ của Tòa án

Đánh giá chứng cứ là xác định giá trị chứng minh của chứng cứ. Giá trị chứng minh của chứng cứ thể hiện ở chỗ dựa vào những chứng cứ đó, Tòa án có thể xác định được có hay không có những tình tiết chứng minh cho yêu cầu của đương sự.

Việc đánh giá chứng cứ phải khách quan, toàn diện, đầy đủ và chính xác. Khi đánh giá chứng cứ không được có kết luận trước về giá trị chứng minh của chứng cứ; phải đánh giá tất cả các mặt, các mối liên hệ của chứng cứ; phải đánh giá cả các chứng cứ do các đương sự, do người khác cung cấp và toà án thu thập. Quá trình đánh giá các chứng cứ phải thực hiện đánh giá riêng từng chứng cứ một, sau đó đánh giá chứng cứ trong mối liên quan với các chứng cứ khác và thông qua đánh giá chứng cứ mà khẳng định giá trị chứng minh của từng chứng cứ một. Quá trình nghiên cứu chứng cứ cũng diễn ra

đồng thời với quá trình đánh giá chứng cứ, xem xét chứng cứ trong mối quan hệ biện chứng với nhau.

Sử dụng chứng cứ là dùng chứng cứ vào việc giải quyết vụ tranh chấp... Chứng cứ chỉ được Tòa án sử dụng vào việc giải quyết vụ án sau khi đã được đánh giá. Để bảo đảm việc giải quyết đúng đắn vụ tranh chấp, các chứng cứ được sử dụng giải quyết vụ án phải được đưa ra công bố công khai cho mọi người cùng biết.

Chứng minh là để xác định sự thật của vụ án nên mọi tình tiết, sự kiện liên quan đến vụ tranh chấp đều phải chứng minh. Tuy nhiên, căn cứ vào tính chất, đặc điểm của một số loại tình tiết, sự kiện thì chúng có thể được Tòa án sử dụng để giải quyết vụ tranh chấp mà không cần phải chứng minh, bao gồm:

- ả hững tình tiết, sự kiện mọi người đều biết;
- Tình tiết, sự kiện đã được xác định trong bản án, quyết định của Tòa án hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Tình tiết, sự kiện đã được ghi trong văn bản được công chứng, chứng thực hợp pháp.

Chương 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM THỰC THI HIỆU QUẢ CÁC QUY ĐỊNH VỀ CHỨNG MINH TRONG THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP KINH DOANH TẠI TÒA ÁN

3.1. Thực trạng áp dụng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về chứng minh trong giải quyết tranh chấp kinh doanh tại Tòa án.

BLTTDS 2004 ra đời đã làm thay đổi căn bản hoạt động chứng minh trong giải quyết các vụ việc dân sự tại Tòa án, trong đó có thủ tục giải quyết tranh chấp kinh doanh tại Tòa án. Trong giai đoạn hội

nhập kinh tế thế giới hiện nay, các tranh chấp kinh doanh thương mại ngày càng có dấu hiệu tăng nhanh về số lượng và phức tạp về nội dung đang là thách thức không nhỏ đối với ngành Tòa án.

Thực tiễn công tác xét xử các vụ án kinh doanh, thương mại tại Tòa án cho thấy việc giải quyết tranh chấp kinh doanh đã được các cấp Tòa án chú trọng hơn trước. Đặc biệt từ sau khi BLTTDS có hiệu lực, chất lượng xét xử đã được nâng cao dần, công tác nghiên cứu hồ sơ sâu hơn nên trong bản án việc đánh giá chứng cứ có sức thuyết phục, thể hiện tính khách quan đúng đắn. Bản án, quyết định của Tòa án chủ yếu dựa vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Các Tòa án đã chú ý bảo đảm cho các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ g cấp chứng cứ để tự chứng minh, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để luật sư thực hiện các quyền của mình trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ tại Tòa án.

Nguyên tắc cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự của các đương sự quy định tại Điều 6 BLTTDS trên cơ sở kế thừa nguyên tắc tại Điều 4, 35 của PLTTGQCVAKT có một điểm mới nhấn mạnh: *“Tòa án chỉ tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ trong những trường hợp do Bộ luật này quy định”*. Do đó, Tòa án không chủ động tự mình thu thập chứng cứ mà chỉ được quyền thu thập chứng cứ trong trường hợp bị giàng buộc bởi cả hai điều kiện: đương sự không thể tự mình thu thập được chứng cứ và đương sự phải có yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ. Vì vậy, việc thắng thua của mỗi đương sự trong một vụ tranh chấp kinh doanh phụ thuộc rất nhiều vào những chứng cứ, giá trị pháp lý của chứng cứ cũng như lập luận, lý lẽ mà mỗi đương sự đưa ra. Tòa án chỉ là người trọng tài để đánh

giá giá trị chứng minh của mỗi chứng cứ để đưa ra phán quyết đúng đắn, khách quan (*Có ví dụ cụ thể*).

Chứng minh là một hoạt động khoa học bao gồm cả hoạt động cung cấp chứng cứ, thu thập, đánh giá chứng cứ và chỉ ra các căn cứ pháp lý để làm cho mọi người nhận thức đúng sự việc. Do đó nó có ý nghĩa vô cùng quan trọng, xuyên suốt quá trình Toà án giải quyết vụ kiện và đòi hỏi trách nhiệm của nhiều chủ thể cùng tham gia: nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh thuộc về đương sự và trách nhiệm đánh giá, kết luận về giá trị chứng minh của chứng cứ lại thuộc về Tòa án (*Có ví dụ cụ thể*).

BLTTDS ra đời thực sự đã thực sự đánh dấu bước phát triển của hệ thống pháp luật tố tụng dân sự Việt ả am, quy trình tố tụng dân sự tại Tòa án có sự thay đổi căn bản theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch. Điều này được biểu hiện rất rõ qua chương Chứng minh và chứng cứ. Bên cạnh đó, còn nhiều quy định về thủ tục tố tụng dân sự về chứng minh và chứng cứ chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, như: chưa quy định cụ thể về đối tượng chứng minh, phương tiện chứng minh, chưa phân biệt cụ thể giữa chứng cứ và nguồn chứng cứ... Điều này đã thực sự ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động nghiên cứu, đánh giá chứng cứ của Tòa án và từ đó ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động chứng minh trong giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án. Vì vậy, việc hoàn thiện các quy định về chứng minh trong BLTTDS là rất cần thiết như ả ghi quyết số 49- ả Q/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về *“Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”* khẳng định: *“Hoàn thiện mô hình tố tụng dân sự theo hướng dân chủ hóa hoạt động tố tụng, bảo đảm quyền tự định đoạt và chứng minh của các bên đương sự trong việc giải quyết tranh*

chấp. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ xuất trình chứng cứ để tự chứng minh. Tòa án chỉ ra phán quyết trên cơ sở các đương sự xuất trình chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa”.

3.2 Một số kiến nghị nhằm thực thi hiệu quả các quy định về chứng minh trong thủ tục giải quyết tranh chấp kinh doanh tại Tòa án

3.2.1 Thực hiện triệt để nguyên tắc nghĩa vụ chứng minh thuộc về đương sự

Trước đây, theo PLTTGQCVAKT năm 1994 có quy định “*Đương sự có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh để bảo vệ quyền lợi của mình*” và “*Khi cần thiết, Tòa án có thể xác minh, thu thập chứng cứ để bảo đảm cho việc giải quyết vụ án được chính xác*”. Ắt hẳn vậy, với quy định chung chung như trên thì trong rất nhiều trường hợp, các đương sự mặc dù là người “khởi động” vụ án nhưng lại không thực hiện được trách nhiệm chứng minh yêu cầu của mình do những nguyên nhân khách quan và chủ quan. BLTTDS ra đời đã khắc phục phần nào tồn tại trên với việc xác định rõ nghĩa vụ chứng minh thuộc về các đương sự, Tòa án không tiến hành điều tra và quy định rõ khi nào thì Tòa án phải tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ cũng như hậu quả của việc các đương sự không chứng minh được cho yêu cầu hoặc phản yêu cầu của mình.

Do đó, để khắc phục những hạn chế trước đây, đồng thời nâng cao hiệu quả của chứng minh trong giải quyết tranh chấp kinh doanh đòi hỏi các chủ thể chứng minh phải tiếp tục thực hiện triệt để nguyên tắc nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh thông qua việc mở rộng quyền tự định đoạt của đương sự cũng như chú trọng

đến yếu tố tranh tụng, bảo đảm dân chủ, công bằng và minh bạch trong hoạt động cung cấp, thu thập, nghiên cứu và đánh giá chứng cứ.

3.2.2 Xây dựng và hoàn thiện cơ chế bảo đảm cho đương sự thực hiện nghĩa vụ chứng minh

3.2.2.1 Chú trọng phần tranh luận tại phiên tòa, thể hiện việc tranh tụng công khai dân chủ theo đúng quy định của BLTTDS và tinh thần cải cách tư pháp

Thông qua tranh luận tại phiên tòa, các đương sự khẳng định lại giá trị chứng minh của chứng cứ mà mình đã xuất trình trước Hội đồng xét xử, trình bày quan điểm, lập luận của mình về các tình tiết của vụ án. Qua đó, Hội đồng xét xử xác lập lại cho đúng quan hệ tranh chấp mà các bên tham gia, xác định đúng quyền và nghĩa vụ mỗi bên trong quan hệ. Từ đó có thể đưa ra phán quyết tại bản án công minh, làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án, bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Vì vậy để đảm bảo tính dân chủ và công bằng thực của một phiên tòa, các Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cần điều khiển phiên tòa theo hướng giảm thời gian hỏi, tránh hiện tượng phần tranh luận bị đẩy xuống hàng thứ yếu. Tranh tụng là cơ chế bảo đảm cơ bản cho một nền công lý trong sạch, trung thực và công bằng.

3.2.2.2 củng cố và phát triển đội ngũ luật sư, nâng cao vai trò của luật sư trong giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại

Khi tham gia tố tụng, đương sự có thể cung cấp các chứng cứ, lý lẽ, căn cứ pháp lý cho Tòa án. Do tính chuyên môn của pháp luật, các đương sự khó có thể lập luận, chứng minh, đưa ra các ý kiến để

bảo vệ quyền lợi của mình trước Toà. Vì vậy, để đương sự có thể thực hiện triệt để nghĩa vụ chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thì người thực hiện chỉ có thể là luật sư của các bên. Hơn nữa các tranh chấp kinh doanh, thương mại đa phần là các tranh chấp xảy ra trong các lĩnh vực phức tạp, giá trị tranh chấp lớn, sự tham gia của luật sư trong giải quyết tranh chấp góp phần hỗ trợ hoạt động tư pháp, nhất là quá trình tố tụng được nhanh chóng và chuẩn xác, giúp ả hà nước tăng cường quản lý xã hội bằng pháp luật ...giúp công dân thực hiện quyền và nghĩa vụ pháp lý của mình đồng thời bảo vệ các quyền và lợi ích trước cơ quan tài phán trong trường hợp có vi phạm.

Do đó trong thời gian tới chúng ta phải tích cực đào tạo, phát triển số lượng luật sư và nâng cao được chất lượng luật sư để đáp ứng nhu cầu của xã hội, đồng thời phải hoàn thiện cơ chế bảo đảm để luật sư thực hiện tốt việc tranh tụng tại phiên tòa cũng như nâng cao vai trò của luật sư khi tham gia tố tụng tại Tòa án.

3.2.3 Xây dựng cơ chế minh bạch hoá trong hoạt động của Tòa án

Để minh bạch hoá các hoạt động của Tòa án, trước hết cần phải minh bạch hoá việc xác lập chứng cứ theo hướng đưa tranh tụng trở thành một nguyên tắc của BLTTDS. Theo nguyên tắc này, trước khi vụ kiện kinh doanh được Tòa án chính thức xét xử công khai, các đương sự có trách nhiệm trao đổi chứng cứ và tranh luận với nhau, chứ không đơn giản chỉ xuất trình chứng cứ và trình bày quan điểm của mình với thẩm phán.

3.2.4 Phát triển các loại hình dịch vụ để tạo điều kiện cho các đương sự chủ động thu thập chứng cứ chứng minh

Để thực hiện triệt để nguyên tắc nghĩa vụ chứng minh của đương sự, cũng như đảm bảo tính khả thi của luật tố tụng dân sự về chứng minh và chứng cứ, cần tạo ra nhiều cơ chế để đương sự có điều kiện, khả năng thực hiện quyền này. Một trong những cơ chế này đã được ả ghi quyết 49 nêu ra: *“Tiếp tục hoàn thiện thủ tục tố tụng dân sự. Nghiên cứu phát triển các loại hình dịch vụ từ phía nhà nước để tạo điều kiện cho các đương sự chủ động thu thập chứng cứ chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình”*.

3.2.5 Nâng cao năng lực của Tòa án trong việc đánh giá, sử dụng chứng cứ

Có thể nói, trong hoạt động chứng minh giải quyết tranh chấp kinh doanh, Tòa án đóng vai trò then chốt, thể hiện thông qua hoạt động đánh giá chứng cứ. Mà năng lực đánh giá chứng cứ của Tòa án trước hết được thể hiện ở vai trò và năng lực của từng Thẩm phán và đội ngũ Hội thẩm nhân dân.

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, trước những thay đổi lớn lao trong các lĩnh vực kinh tế xã hội, nhất là trong lĩnh vực dân sự, kinh doanh, thương mại, sở hữu trí tuệ, đầu tư nước ngoài...đòi hỏi người Thẩm phán phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức thực tiễn, có phẩm chất đạo đức trong sạch, dũng cảm đấu tranh vì công lý, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa. Do đó công tác đào tạo nâng cao chất lượng, đội ngũ Thẩm phán, cán bộ làm công tác xét xử là hết sức cần thiết.

Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử cần có những kinh nghiệm nhất định trong lĩnh vực tranh chấp kinh doanh để có sự nhìn nhận khách quan, toàn diện vụ án. Ở nước ta cơ chế bầu Hội thẩm nhân dân chỉ cần đảm bảo tiêu chuẩn chung mà chưa chú ý đến đặc thù của việc giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại. Trong khi ở nhiều nước trên thế giới quy định thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án thương mại gồm một Thẩm phán và hai Thẩm phán danh dự. Thẩm phán danh dự có vai trò như Hội thẩm ở Việt ả am cơ kinh nghiệm và hiểu biết về quan hệ thương mại Vì vậy trong điều kiện kinh tế ngày càng phát triển, các tranh chấp về kinh doanh ngày càng phức tạp, theo tác giả nên xem xét lại quy định bầu Hội thẩm nhân để có sự sửa đổi bổ sung cho phù hợp đảm bảo hiệu quả xét xử.

KẾT LUẬN

Chứng minh trong giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại thực chất là quá trình xác định sự thật khách quan của vụ kiện, bao gồm tổng hợp các vấn đề có liên quan đến việc xác định nghĩa vụ chứng minh thuộc về ai, các biểu hiện của chứng minh thông qua các hoạt động thu thập, nghiên cứu và đánh giá chứng cứ. ả hư vậy ta có thể hiểu chứng minh là quá trình mà Toà án và những người tham gia tố tụng cùng tiến hành để tìm ra sự thật khách quan của vụ tranh chấp.

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường và xu thế hội nhập, dự đoán số lượng các tranh chấp kinh doanh, thương mại đang có chiều hướng gia tăng. Vì vậy việc BLTTDS Việt ả am năm 2004 quy định một chương riêng về vấn đề chứng minh và chứng cứ có ý nghĩa thiết thực làm nền tảng cho hoạt động tố tụng giải quyết các tranh chấp thương mại tại Toà án, góp phần ổn định môi trường kinh doanh, củng cố lòng tin của giới doanh nhân vào công tác xét xử án kinh doanh - thương mại của Toà án, đồng thời là điều kiện thiết thực để thực hiện cải cách tư pháp xây dựng nhà nước pháp quyền XHC ả .

Tuy nhiên, trên thực tế để bảo đảm việc thực hiện các hoạt động chứng minh trong giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Toà án đạt hiệu quả thì cần phải giải quyết đồng bộ các vấn đề sau:

Về lập pháp: Mặc dù BLTTDS mới ra đời, qua thực tiễn áp dụng giải quyết thấy còn có một số vấn đề liên quan đến hoạt động chứng minh chưa được quy định cụ thể như: chưa có quy định về nguồn chứng cứ, đối tượng chứng minh, phương tiện chứng minh;

chưa phân biệt giữa chứng cứ và nguồn chứng cứ; cơ chế khiếu nại của đương sự về việc thu thập chứng cứ của Tòa án không rõ ràng; chưa thừa nhận tranh tụng là một nguyên tắc trong tố tụng dân sự Việt ă am ... Vì vậy trong lộ trình sửa đổi bổ sung hệ thống luật tố tụng, các nhà lập pháp cũng cần bổ sung những yếu tố trên để có thể có một chế định về chứng cứ và chứng minh cho hoàn chỉnh và phù hợp với thực tiễn kinh doanh vốn dĩ hết sức phong phú và không ngừng biến động.

Về thi hành và áp dụng pháp luật: cần phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật để nâng cao ý thức pháp luật trong nhân dân, phải nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân; củng cố, phát triển đội ngũ luật sư, nâng cao vai trò của luật sư trong tố tụng dân sự.

Trong hoạt động xét xử các tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án, chứng minh là hoạt động có ý nghĩa vô cùng quan trọng và quyết định việc hình thành một hệ thống tư pháp hiệu quả, công bằng và minh bạch - một điều kiện quan trọng trong quá trình tăng cường pháp chế và bảo đảm sự phát triển kinh tế xã hội bền vững. Hơn nữa, thông qua các hoạt động chứng minh còn góp phần quan trọng để phát huy dân chủ, bảo đảm việc xét xử công bằng, nghiêm minh, đúng pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự nhằm xác định sự thật khách quan của vụ án.

Trên đây là những kết luận rút ra từ quá trình nghiên cứu đề tài: *“Chứng minh trong thủ tục giải quyết tranh chấp kinh doanh tại Tòa án”*. Kết quả khẳng định chứng minh gắn liền với hoạt động

xét xử của Tòa án và để nâng cao chất lượng xét xử, thì việc tìm hiểu và hoàn thiện pháp luật chứng minh và chứng cứ là điều hết sức cần thiết.